

Số: /2023/TT-BYT

Hà Nội, ngày tháng năm 2023

Dự thảo

THÔNG TƯ

Quy định xếp hạng các đơn vị sự nghiệp y tế

Căn cứ Nghị định số 95/2022/NĐ-CP ngày 15/11/2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Y tế;

Căn cứ Nghị định số 123/2016/NĐ-CP ngày 01/9/2016 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của bộ, cơ quan ngang bộ; Nghị định số 101/2020/NĐ-CP ngày 28/8/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung Nghị định số 123/2016/NĐ-CP;

Căn cứ Quyết định số 181/2005/QĐ-TTg ngày 19/7/2005 của Thủ tướng Chính phủ quy định về phân loại, xếp hạng các tổ chức sự nghiệp, dịch vụ công lập;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Tổ chức cán bộ,

Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành Thông tư quy định xếp hạng các đơn vị sự nghiệp y tế như sau:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Thông tư này quy định xếp hạng các đơn vị sự nghiệp y tế gồm: Các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh; các đơn vị y tế dự phòng; các đơn vị kiểm nghiệm, kiểm định; Trung tâm y tế huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố thuộc thành phố trực thuộc Trung ương.

2. Thông tư này không áp dụng đối với các Trung tâm Pháp y; Trung tâm Giám định Y khoa; Trung tâm Truyền thông Giáo dục sức khỏe.

3. Các cơ sở y tế tư nhân được áp dụng các tiêu chuẩn xếp hạng theo quy định tại phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này để xếp hạng đơn vị.

Điều 2. Phân hạng các đơn vị sự nghiệp y tế

Các đơn vị sự nghiệp y tế gồm 05 hạng: Hạng đặc biệt, hạng I, hạng II, hạng III, hạng IV. Cụ thể như sau:

1. Các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh xếp theo 05 hạng: Hạng đặc biệt, hạng I, hạng II, hạng III, hạng IV.

2. Các đơn vị y tế dự phòng; các đơn vị kiểm nghiệm, kiểm định và Trung tâm y tế huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố thuộc thành phố trực thuộc Trung ương xếp theo 04 hạng: Hạng I, hạng II, hạng III, hạng IV.

Điều 3. Tiêu chuẩn xếp hạng

1. Các nhóm tiêu chuẩn xếp hạng

- | | |
|---|---------|
| 1.1. Nhóm tiêu chuẩn I: Vị trí, chức năng, nhiệm vụ | 10 điểm |
| 1.2. Nhóm tiêu chuẩn II: Quy mô và nội dung hoạt động | 15 điểm |
| 1.3. Nhóm tiêu chuẩn III: Nhân lực | 20 điểm |
| 1.4. Nhóm tiêu chuẩn IV: Khả năng chuyên môn | 40 điểm |
| 1.5. Nhóm tiêu chuẩn V: Cơ sở hạ tầng, trang thiết bị | 15 điểm |

2. Tiêu chuẩn cụ thể và mức điểm quy định tại các phụ lục ban hành kèm theo Thông tư

2.1. Phụ lục 1: Tiêu chuẩn xếp hạng các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh.

2.2. Phụ lục 2: Tiêu chuẩn xếp hạng các đơn vị y tế dự phòng.

2.3. Phụ lục 3: Trung tâm y tế huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố thuộc thành phố trực thuộc Trung ương.

2.4. Phụ lục 4: Tiêu chuẩn xếp hạng các đơn vị kiểm nghiệm, kiểm định.

3. Điểm số và xếp hạng tổ chức

3.1. Hạng đặc biệt: là đơn vị hạng I đạt 100 điểm và các tiêu chuẩn của hạng đặc biệt.

3.2. Hạng I: từ 90 đến 100 điểm.

3.3. Hạng II: từ 70 đến dưới 90 điểm.

3.4. Hạng III: từ 50 đến dưới 70 điểm.

3.5. Hạng IV: dưới 50 điểm.

Điều 4. Nguyên tắc xếp hạng

1. Mục đích xếp hạng các đơn vị sự nghiệp y tế

1.1. Tiếp tục kiện toàn và tăng cường công tác quản lý đối với các đơn vị sự nghiệp y tế công lập.

1.2. Nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp y tế công lập.

1.3. Phục vụ cho việc áp dụng chế độ tiền lương đối với viên chức và lực lượng vũ trang.

2. Thời gian xếp hạng có giá trị trong 05 năm (60 tháng), kể từ ngày Quyết định xếp hạng có hiệu lực. Chậm nhất 90 ngày trước khi hết thời hạn xếp hạng, đơn vị có trách nhiệm lập hồ sơ, trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định xếp hạng đơn vị.

Hồ sơ đề nghị cơ quan có thẩm quyền xếp hạng lại thực hiện như xếp hạng lần đầu. Trường hợp đơn vị có sự thay đổi các tiêu chuẩn xếp hạng thì cơ quan có thẩm quyền xem xét, quyết định xếp hạng đơn vị.

3. Tính điểm theo từng tiêu chuẩn cụ thể trong bảng điểm ban hành kèm theo Thông tư, không vận dụng điểm trung gian; không tính điểm khi các thông số chưa hoàn chỉnh.

4. Đối với các đơn vị có nhiều cơ sở độc lập, việc xếp hạng các cơ sở do cơ quan có thẩm quyền xem xét, quyết định.

5. Xem xét hồ sơ đề nghị xếp hạng căn cứ các tài liệu, số liệu thống kê minh chứng các tiêu chuẩn và kiểm tra thực tế tại đơn vị (lấy số liệu của 02 năm trước liền kề năm đề nghị xếp hạng và các tài liệu kế hoạch thực hiện của năm đề nghị xếp hạng; minh chứng tiêu chí đề tài nghiên cứu khoa học lấy số liệu trong thời gian giữ hạng đơn vị).

Điều 5. Thẩm quyền, hồ sơ xếp hạng

1. Thẩm quyền quyết định công nhận xếp hạng

1.1. Đơn vị sự nghiệp y tế hạng đặc biệt

Bộ Nội vụ quyết định công nhận xếp hạng đặc biệt các đơn vị sự nghiệp y tế trên cơ sở đề nghị của Bộ Y tế.

1.2. Đơn vị sự nghiệp y tế hạng I

Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, bộ, ban, ngành quyết định xếp hạng các đơn vị sự nghiệp y tế thuộc thẩm quyền quản lý từ hạng I trở xuống và gửi báo cáo về Bộ Nội vụ, Bộ Y tế.

3. Các đơn vị được giao phụ trách công tác tổ chức cán bộ có trách nhiệm rà soát hồ sơ đề nghị xếp hạng; báo cáo Hội đồng thẩm định xếp hạng, trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định.

2. Hồ sơ đề nghị xếp hạng

- Văn bản đề nghị xếp hạng của đơn vị.
- Bảng chấm điểm các nhóm tiêu chuẩn theo quy định.
- Các tài liệu, số liệu thống kê minh chứng điểm số đạt được.
- Các tài liệu khác có liên quan.

Điều 6. Mức phụ cấp chức vụ lãnh đạo

1. Mức phụ cấp chức vụ lãnh đạo theo hạng các đơn vị sự nghiệp y tế

TT	Chức danh lãnh đạo	Hạng đặc biệt	Hạng I	Hạng II	Hạng III	Hạng IV
1	Giám đốc, Viện trưởng	1,1	1,0	0,8	0,7	0,6
2	Phó Giám đốc, Phó Viện trưởng	0,9	0,8	0,7	0,6	0,5
3	Viện trưởng thuộc Bệnh viện hạng đặc biệt có tổ chức cấu thành	0,9				
4	Viện trưởng, Giám đốc Trung tâm trực thuộc đơn vị có tổ chức cấu thành và các chức vụ tương đương; Viện trưởng, Giám đốc Trung tâm không có tổ chức cấu thành thuộc Bệnh viện hạng đặc biệt	0,8	0,7	0,6	0,5	0,4
5	- Phó Viện trưởng, Phó Giám đốc trung tâm trực thuộc đơn vị có tổ chức cấu thành và các chức vụ tương đương - Trưởng khoa, phòng và các chức vụ tương đương của các tổ chức trực thuộc đơn vị	0,7	0,6	0,5	0,4	0,3
6	- Phó trưởng khoa, phòng, điều dưỡng trưởng, hộ sinh trưởng, kỹ thuật viên trưởng và các chức vụ tương đương của các tổ chức trực thuộc đơn vị - Trưởng khoa, phòng và các chức vụ tương đương của các tổ chức cấu thành thuộc viện, trung tâm trực thuộc đơn vị	0,6	0,5	0,4	0,3	0,2
7	Phó trưởng khoa, phòng, điều dưỡng trưởng khoa, hộ sinh trưởng và các chức vụ tương đương của các tổ chức cấu thành thuộc viện, trung tâm trực thuộc đơn vị	0,4	0,3			

2. Mức phụ cấp chức vụ lãnh đạo các đơn vị sự nghiệp y tế không quy định xếp hạng thực hiện theo quy định tại Thông tư số 83/2005/TT-BNV ngày 10/8/2005 của Bộ Nội vụ hướng dẫn sửa đổi, bổ sung chế độ nâng bậc lương và các chế độ phụ cấp lương đối với cán bộ, công chức, viên chức.

Điều 7. Điều khoản thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày tháng năm 2023.
2. Các Thông tư sau đây hết hiệu lực kể từ ngày Thông tư này có hiệu lực:
 - 2.1. Thông tư số 23/2005/TT-BYT ngày 25/8/2005 của Bộ Y tế hướng dẫn xếp hạng các đơn vị sự nghiệp y tế.
 - 2.2. Thông tư số 07/2006/TT-BYT ngày 05/6/2006 của Bộ Y tế hướng dẫn thực hiện chế độ phụ cấp chức vụ lãnh đạo trong các đơn vị sự nghiệp y tế không thực hiện việc xếp hạng.
 - 2.3. Thông tư số 03/2007/TT-BYT ngày 08/02/2007 của Bộ Y tế sửa đổi khoản 3 mục IV Thông tư số 23/2005/TT-BYT ngày 25/8/2005 của Bộ Y tế hướng dẫn xếp hạng các đơn vị sự nghiệp y tế.
3. Các quyết định xếp hạng đơn vị đã ban hành trước ngày Thông tư này có hiệu lực thì vẫn có giá trị theo thời hạn ghi quyết định đó.

Điều 8. Trách nhiệm tổ chức thực hiện

1. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, người đứng đầu các đơn vị sự nghiệp trực thuộc Bộ Y tế và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này.
2. Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc, đề nghị phản ánh về Bộ Y tế để được hướng dẫn hoặc xem xét, giải quyết./.

Nơi nhận:

- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, Cơ quan thuộc Chính phủ;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của TW Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư, Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chủ tịch nước, Kiểm toán nhà nước;
- Ủy ban các vấn đề xã hội của Quốc hội;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Bộ trưởng, các Thứ trưởng Bộ Y tế;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL (Bộ Tư pháp);
- Sở Y tế tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Sở Nội vụ các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Công báo, Cổng TTĐT Chính phủ; cổng TTĐT BYT;
- Các đơn vị sự nghiệp trực thuộc Bộ Y tế;
- Lưu: VT, TCCB.

BỘ TRƯỞNG

Đào Hồng Lan

PHỤ LỤC 1
CÁC TIÊU CHUẨN VÀ BẢNG ĐIỂM XẾP HẠNG
CÁC CƠ SỞ KHÁM BỆNH, CHỮA BỆNH

I	Nhóm tiêu chuẩn I: Vị trí, chức năng, nhiệm vụ	10 điểm
1	Vị trí chức năng, chỉ đạo kỹ thuật	4 điểm
1.1	Phạm vi quốc gia, khu vực (vùng, miền)	4 điểm
1.2	Phạm vi tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, ngành	2 điểm
1.3	Phạm vi quận, huyện, thị xã, thành phố trực thuộc tỉnh	1 điểm
2	Đào tạo	3 điểm
2.1	Tham gia, thực hiện đào tạo thực hành trình độ đại học và sau đại học lĩnh vực sức khỏe	3 điểm
2.2	Tham gia, thực hiện đào tạo thực hành trình độ cao đẳng lĩnh vực sức khỏe	2 điểm
2.3	Tham gia, thực hiện đào tạo bồi dưỡng, đào tạo liên tục theo đúng quy định	1 điểm
3	Nghiên cứu khoa học	3 điểm
3.1	Chủ trì nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp Quốc gia đã được cơ quan có thẩm quyền nghiệm thu	3 điểm
3.2	Chủ trì nhiệm vụ khoa học và công nghệ hoặc sáng kiến cấp Bộ, tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương đã được cơ quan có thẩm quyền nghiệm thu	2 điểm
3.3	Chủ trì nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở đã được cơ quan có thẩm quyền nghiệm thu	1 điểm
II	Nhóm tiêu chuẩn II: Quy mô và nội dung hoạt động	15 điểm
1	Điểm đánh giá chất lượng bệnh viện trung bình 2 năm liền kề năm đánh giá xếp hạng đơn vị	2 điểm
1.1	Đạt từ 4.0 điểm trở lên	2 điểm
1.2	Đạt từ 3.5 điểm đến dưới 4.0 điểm	1 điểm
1.3	Đạt dưới 3.5 điểm	0 điểm
2	Số giường bệnh kế hoạch	4 điểm
2.1	Cơ sở khám bệnh, chữa bệnh đa khoa	
a)	Từ 1000 giường trở lên	4 điểm
b)	Từ 500 giường đến dưới 1000 giường	3 điểm
c)	Từ 300 giường đến dưới 500 giường	2 điểm
d)	Dưới 300 giường	1 điểm
2.2	Cơ sở khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa	
a)	Từ 400 giường trở lên	4 điểm
b)	Từ 300 giường đến dưới 400 giường	3 điểm
c)	Từ 200 giường đến dưới 300 giường	2 điểm
d)	Dưới 200 giường	1 điểm
3	Công suất sử dụng giường bệnh	3 điểm
3.1	Từ 95% đến 100%	3 điểm
3.2	Từ 80% đến dưới 95% hoặc trên 100%	2 điểm
3.3	Từ 60% đến dưới 80%	1 điểm

3.4	Dưới 60%	0 điểm
4	Số ngày điều trị trung bình	2 điểm
4.1	Bệnh viện đa khoa	
a)	Dưới 7/10/12 ngày đối với Bệnh viện huyện/tỉnh/Trung ương	2 điểm
b)	Từ 7-8/10-11/12-15 ngày đối với Bệnh viện huyện/tỉnh/Trung ương	1 điểm
c)	Trên 8/11/15 ngày đối với Bệnh viện huyện/tỉnh/Trung ương	0 điểm
4.2	Bệnh viện chuyên khoa	
a)	Dưới 5/7/9 ngày đối với Bệnh viện huyện/tỉnh/Trung ương	2 điểm
b)	Từ 5-6/7-8/9-10 ngày đối với Bệnh viện huyện/tỉnh/Trung ương	1 điểm
c)	Trên 6/8/10 ngày đối với Bệnh viện huyện/tỉnh /Trung ương	0 điểm
d)	Riêng đối với các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh thuộc lĩnh vực Y học cổ truyền, Điều dưỡng phục hồi chức năng, Lão khoa, Phong, Lao, tâm thần:	
	- Cơ sở khám bệnh, chữa bệnh Y học cổ truyền, Điều dưỡng phục hồi chức năng, Lão khoa không quá 30 ngày.	2 điểm
	- Cơ sở khám bệnh, chữa bệnh Tâm thần, Lao, Phong không quá 90 ngày.	2 điểm
5	Tỷ lệ người bệnh nội trú thuộc đối tượng chăm sóc cấp một	2 điểm
5.1	Từ 25% số người bệnh nội trú trở lên	2 điểm
5.2	Từ 15% đến dưới 25% số người bệnh nội trú	1 điểm
5.3	Dưới 15% số người bệnh nội trú	0 điểm
6	Tổ chức chăm sóc người bệnh	2 điểm
6.1	100% người bệnh chăm sóc cấp I được nhân viên y tế chăm sóc toàn diện	2 điểm
6.2	Từ 80% đến dưới 100% người bệnh chăm sóc cấp I được nhân viên y tế chăm sóc toàn diện	1 điểm
6.3	< 80% người bệnh chăm sóc cấp I được nhân viên y tế chăm sóc toàn diện	0 điểm
III	Nhóm tiêu chuẩn III: Nhân lực	20 điểm
1	Bảo đảm số lượng người làm việc tại các vị trí việc làm chuyên môn chuyên ngành chiếm tỷ lệ tối thiểu 65% tổng số lượng người làm việc của đơn vị	3 điểm
2	Các trưởng khoa và phó trưởng khoa	5 điểm
2.1	60% trở lên có trình độ tiến sĩ, chuyên khoa II	5 điểm
2.2	Từ 20% đến dưới 60% có trình độ tiến sĩ, chuyên khoa II	3 điểm
3	Điều dưỡng trưởng, hộ sinh trưởng, kỹ thuật viên trưởng các khoa lâm sàng	5 điểm
3.1	Từ 60% trở lên có trình độ sau đại học	5 điểm
3.2	Từ 40% đến dưới 60% có trình độ sau đại học	3 điểm
3.3	Từ 20% đến dưới 40% có trình độ sau đại học	2 điểm
3.4	Dưới 20% có trình độ sau đại học	1 điểm

4	Bác sĩ điều trị ở các khoa lâm sàng	7 điểm
4.1	Trên 50% có trình độ chuyên khoa I và tương đương	7 điểm
4.2	Từ 20 - 50% có trình độ chuyên khoa I và tương đương	5 điểm
IV	Nhóm tiêu chuẩn IV: Khả năng chuyên môn	40 điểm
1	Các kỹ thuật chuyên khoa mà bệnh viện được phê duyệt thuộc phân loại phẫu thuật thủ thuật loại đặc biệt	10 điểm
1.1	Tỷ lệ các kỹ thuật chuyên khoa mà bệnh viện được phê duyệt thuộc phân loại phẫu thuật thủ thuật loại đặc biệt đạt 100% danh mục kỹ thuật của chuyên khoa đó	10 điểm
1.2	Tỷ lệ các kỹ thuật chuyên khoa mà bệnh viện được phê duyệt thuộc phân loại phẫu thuật thủ thuật loại đặc biệt đạt ≥ 70 đến < 100 danh mục kỹ thuật của chuyên khoa đó	8 điểm
1.3	Tỷ lệ các kỹ thuật chuyên khoa mà bệnh viện được phê duyệt thuộc phân loại phẫu thuật thủ thuật loại đặc biệt đạt ≥ 50 đến < 70 danh mục kỹ thuật của chuyên khoa đó	6 điểm
1.4	Tỷ lệ các kỹ thuật chuyên khoa mà bệnh viện được phê duyệt thuộc phân loại phẫu thuật thủ thuật loại đặc biệt đạt $< 50\%$ danh mục kỹ thuật của chuyên khoa đó	4 điểm
2	Các kỹ thuật chuyên khoa mà bệnh viện được phê duyệt thuộc phân loại phẫu thuật thủ thuật loại I	10 điểm
2.1	Tỷ lệ các kỹ thuật chuyên khoa mà bệnh viện được phê duyệt thuộc phân loại phẫu thuật thủ thuật loại I đạt 100% danh mục kỹ thuật của chuyên khoa đó	10 điểm
2.2	Tỷ lệ các kỹ thuật chuyên khoa mà bệnh viện được phê duyệt thuộc phân loại phẫu thuật thủ thuật loại I đạt ≥ 70 đến < 100 danh mục kỹ thuật của chuyên khoa đó	8 điểm
2.3	Tỷ lệ các kỹ thuật chuyên khoa mà bệnh viện được phê duyệt thuộc phân loại phẫu thuật thủ thuật loại I đạt ≥ 50 đến < 70 danh mục kỹ thuật của chuyên khoa đó	6 điểm
2.4	Tỷ lệ các kỹ thuật chuyên khoa mà bệnh viện được phê duyệt thuộc phân loại phẫu thuật thủ thuật loại I đạt $< 50\%$ danh mục kỹ thuật của chuyên khoa đó	4 điểm
3	Các kỹ thuật chuyên khoa mà bệnh viện được phê duyệt thuộc phân loại phẫu thuật thủ thuật loại II	10 điểm
3.1	Tỷ lệ các kỹ thuật chuyên khoa mà bệnh viện được phê duyệt thuộc phân loại phẫu thuật thủ thuật loại II đạt 100% danh mục kỹ thuật của chuyên khoa đó	10 điểm
3.2	Tỷ lệ các kỹ thuật chuyên khoa mà bệnh viện được phê duyệt thuộc phân loại phẫu thuật thủ thuật loại II đạt ≥ 70 đến < 100 danh mục kỹ thuật của chuyên khoa đó	8 điểm
3.3	Tỷ lệ các kỹ thuật chuyên khoa mà bệnh viện được phê duyệt	6 điểm

	thuộc phân loại phẫu thuật thủ thuật loại II đạt ≥ 50 đến < 70 danh mục kỹ thuật của chuyên khoa đó	
3.4	Tỷ lệ các kỹ thuật chuyên khoa mà bệnh viện được phê duyệt thuộc phân loại phẫu thuật thủ thuật loại I I đạt $< 50\%$ danh mục kỹ thuật của chuyên khoa đó	4 điểm
4	Các kỹ thuật chuyên khoa mà bệnh viện được phê duyệt thuộc phân loại phẫu thuật thủ thuật loại III	10 điểm
4.1	Tỷ lệ các kỹ thuật chuyên khoa mà bệnh viện được phê duyệt thuộc phân loại phẫu thuật thủ thuật loại III đạt 100% danh mục kỹ thuật của chuyên khoa đó	10 điểm
4.2	Tỷ lệ các kỹ thuật chuyên khoa mà bệnh viện được phê duyệt thuộc phân loại phẫu thuật thủ thuật loại III đạt ≥ 70 đến < 100 danh mục kỹ thuật của chuyên khoa đó	8 điểm
4.3	Tỷ lệ các kỹ thuật chuyên khoa mà bệnh viện được phê duyệt thuộc phân loại phẫu thuật thủ thuật loại III đạt ≥ 50 đến < 70 danh mục kỹ thuật của chuyên khoa đó	6 điểm
4.4	Tỷ lệ các kỹ thuật chuyên khoa mà bệnh viện được phê duyệt thuộc phân loại phẫu thuật thủ thuật loại III đạt $< 50\%$ danh mục kỹ thuật của chuyên khoa đó	4 điểm
V	Nhóm tiêu chuẩn V: Cơ sở hạ tầng, trang thiết bị	15 điểm
1	Kiến trúc theo tiêu chuẩn xây dựng	1 điểm
2	Môi trường, cảnh quan xanh, sạch, đẹp	1 điểm
3	Đường giao thông nội bộ bảo đảm thuận tiện cho cấp cứu vận chuyển bệnh nhân, phòng cháy chữa cháy, phân luồng giao thông rõ ràng mạch lạc	1 điểm
4	Khu kỹ thuật (phòng mổ, hồi sức, phòng đẻ, phòng thực hiện các thủ thuật, kỹ thuật, phòng X-quang,...) đáp ứng các tiêu chuẩn hiện hành.	1 điểm
5	Tiện nghi khoa, buồng bệnh	2 điểm
5.1	Bảo đảm điều kiện, tiện nghi tại các khoa buồng bệnh	1 điểm
5.2	Phòng phẫu thuật và ICU có hệ thống khí sạch AHU. Phòng hồi sức cấp cứu, phòng đẻ, phòng phẫu thuật có phương tiện gọi trực cấp cứu khẩn cấp	1 điểm
6	Có hệ thống máy xét nghiệm đạt chuẩn theo quy định	1 điểm
7	Có hệ thống điện đảm bảo các tiêu chuẩn và công suất sử dụng có (hệ thống an toàn điện cho các thiết bị y tế, lộ cấp điện ưu tiên, máy phát điện dự phòng, hệ thống lưu điện)	1 điểm
8	Ứng dụng công nghệ thông tin toàn bệnh viện phục vụ công tác chuyên môn, quản lý, thống kê để nâng cao hiệu quả công việc.	1 điểm
9	Có hệ thống xử lý chất thải rắn, lỏng, khí toàn bệnh viện đang hoạt động hoặc có hợp đồng xử lý chất thải rắn, lỏng, khí bảo	1 điểm

	đảm đủ tiêu chuẩn theo quy định.	
10	Danh mục trang thiết bị chuyên dùng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật chuyên môn được triển khai tại đơn vị. Triển khai thực hiện công tác bảo dưỡng, sửa chữa, kiểm định trang thiết bị chuyên dùng trong toàn đơn vị theo đúng kế hoạch.	1 điểm
11	Trang thiết bị chuyên dùng được phân công quản lý cụ thể, có đầy đủ hồ sơ, sổ sách quản lý chất lượng theo quy định	1 điểm
12	Có kế hoạch hàng năm về công tác bảo dưỡng, sửa chữa, kiểm định trang thiết bị chuyên dùng trong toàn đơn vị	1 điểm
14	Trang thiết bị chuyên dùng của đơn vị phù hợp với quyết định tiêu chuẩn định mức được phê duyệt	2 điểm
14.1	Đủ theo danh mục trang thiết bị chuyên dùng đáp ứng nhu cầu chuyên môn	1 điểm
14.2	Trang thiết bị phù hợp tiêu chuẩn định mức theo quy định	1 điểm

PHỤ LỤC 2
TIÊU CHUẨN XẾP HẠNG CÁC ĐƠN VỊ Y TẾ DỰ PHÒNG:
(Ban hành kèm Thông tư số /2023/TT-BYT ngày / /2023)

I	Nhóm tiêu chuẩn I: Vị trí, chức năng, nhiệm vụ	10 điểm
1	Vị trí chức năng, chỉ đạo kỹ thuật	4 điểm
1.1	Phạm vi quốc gia, khu vực (vùng, miền)	4 điểm
1.2	Phạm vi tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, ngành	2 điểm
1.3	Phạm vi quận, huyện, thị xã, thành phố trực thuộc tỉnh	1 điểm
2	Đào tạo	3 điểm
2.1	Tham gia đào tạo thực hành đại học, sau đại học lĩnh vực sức khỏe	3 điểm
2.2	Tham gia đào tạo thực hành cao đẳng lĩnh vực sức khỏe	2 điểm
2.3	Tham gia, thực hiện đào tạo bồi dưỡng, đào tạo liên tục theo đúng quy định	1 điểm
3	Nghiên cứu khoa học	3 điểm
3.1	Chủ trì nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp Quốc gia đã được cơ quan có thẩm quyền nghiệm thu.	3 điểm
3.2	Chủ trì nhiệm vụ khoa học và công nghệ hoặc sáng kiến cấp Bộ, tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương đã được cơ quan có thẩm quyền nghiệm thu.	2 điểm
3.3	Chủ trì nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở đã được cơ quan có thẩm quyền nghiệm thu.	1 điểm
II	Nhóm tiêu chuẩn II: Quy mô và nội dung hoạt động	15 điểm
1	Nội dung hoạt động:	7 điểm
1.1	Thực hiện nhiệm vụ y tế dự phòng thuộc thẩm quyền quản lý của Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;	7 điểm
1.2	Thực hiện chức năng, nhiệm vụ của Trung tâm kiểm soát bệnh tật tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;	6 điểm
1.3	Thực hiện chức năng, nhiệm vụ của Trung tâm y tế quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh đã tách bệnh viện, chỉ thực hiện nhiệm vụ y tế dự phòng, dân số;	5 điểm
1.4	Thực hiện chức năng, nhiệm vụ y tế dự phòng khác do Sở Y tế trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt là cơ sở y tế dự phòng thuộc địa phương quản lý.	4 điểm
2	Dân số chịu trách nhiệm quản lý:	8 điểm
2.1	Dân số trên 8 triệu người;	8 điểm
2.2	Dân số trên 3 triệu đến 8 triệu người;	6 điểm
2.3	Dân số từ trên 2 triệu đến 3 triệu người;	5 điểm
2.4	Dân số từ trên 1 triệu đến 2 triệu người;	4 điểm
2.5	Dân số dưới 1 triệu người.	3 điểm
III	Nhóm tiêu chuẩn III: Nhân lực	20 điểm
1	Các trưởng khoa, phòng và phó trưởng khoa, phòng chuyên môn	8 điểm
1.1	Trên 80% có trình độ Thạc sỹ, Chuyên khoa I và tương đương	8 điểm

	trở lên (với Viện chuyên ngành: 30% trở lên có trình độ Tiến sĩ, Chuyên khoa II)	
1.2	Từ 70% đến 80% có trình độ Thạc sĩ, Chuyên khoa I và tương đương trở lên (với Viện chuyên ngành: Từ 20% đến dưới 30% có trình độ Tiến sĩ, Chuyên khoa II)	7 điểm
1.3	Từ 60% đến dưới 70% có trình độ Thạc sĩ, Chuyên khoa I và tương đương trở lên (với Viện chuyên ngành: Từ 10% đến dưới 20% có trình độ Tiến sĩ, Chuyên khoa II)	6 điểm
1.4	Dưới 60% có trình độ Thạc sĩ, Chuyên khoa I và tương đương trở lên (với Viện chuyên ngành: Dưới 10% có trình độ Tiến sĩ, Chuyên khoa II)	5 điểm
2	Viên chức ở các khoa, phòng chuyên môn	8 điểm
2.1	Trên 50% có trình độ thạc sĩ và tương đương trở lên	8 điểm
2.2	Từ 30% đến 50% có trình độ thạc sĩ và tương đương trở lên	6 điểm
2.3	Từ 10% đến 30% có trình độ thạc sĩ và tương đương trở lên	4 điểm
2.4	Dưới 10% có trình độ thạc sĩ và tương đương trở lên	2 điểm
3	Tỷ lệ cán bộ chuyên môn/tổng số người làm việc	4 điểm
3.1	Từ 65% đến 80%	4 điểm
3.2	Từ 40% đến dưới 65%	3 điểm
3.3	Dưới 40%	2 điểm
IV	Nhóm tiêu chuẩn IV: Khả năng chuyên môn	40 điểm
	A. Phần dành cho các Viện chuyên ngành thuộc lĩnh vực y tế dự phòng	40 điểm
1	Phòng chống bệnh tật (CNNV quy định tại Quy chế tổ chức và hoạt động của các Viện thuộc lĩnh vực Y tế dự phòng, Y tế công cộng và các văn bản khác liên quan)	4 điểm
1.1	Đánh giá/Giám sát/Kiểm soát bệnh truyền nhiễm và bệnh do ký sinh trùng	2 điểm
1.2	Phòng chống bệnh mạn tính không truyền nhiễm	2 điểm
2	Ứng phó, xử trí các sự kiện y tế công cộng bùng phát (CNNV quy định tại QĐ số 3796/QĐ-BYT ngày 21/8/2017; Quy chế tổ chức và hoạt động của các Viện thuộc lĩnh vực Y tế dự phòng, Y tế công cộng và các văn bản khác liên quan).	2 điểm
2.1	Xây dựng kế hoạch hành động đáp ứng khẩn cấp sự kiện y tế công cộng trên phạm vi địa bàn quản lý.	1 điểm
2.2	Triển khai các hoạt động đáp ứng khẩn cấp sự kiện y tế công cộng bùng phát trên phạm vi địa bàn quản lý (nếu có).	1 điểm
3	Sử dụng và cung cấp thông tin phòng, chống dịch bệnh và tác nhân liên quan đến sức khỏe theo lĩnh vực được phân công phụ	2 điểm
4	Đánh giá/Giám sát/Kiểm soát tác nhân nguy hại cho sức	5 điểm

	khỏe (CNNV quy định tại Quy chế tổ chức và hoạt động của các Viện thuộc lĩnh vực Y tế dự phòng, Y tế công cộng và các văn bản khác liên quan)	
4.1	Đánh giá/Giám sát/Kiểm soát tác nhân nguy hại gây bệnh nghề nghiệp.	1 điểm
4.2	Đánh giá/Giám sát/Kiểm soát tác nhân gây nguy hại môi trường.	1 điểm
4.3	Đánh giá/Giám sát/Kiểm soát tác nhân gây mất an toàn thực phẩm và phòng, chống các bệnh có nguồn gốc từ thực phẩm	1 điểm
4.4	Đánh giá/Giám sát dinh dưỡng và cải thiện dinh dưỡng.	1 điểm
4.5	Đánh giá/Giám sát và phòng chống các bệnh học đường thường gặp.	1 điểm
5	Truyền thông giáo dục sức khỏe và nâng cao sức khỏe (CNNV quy định tại Quy chế tổ chức và hoạt động của các Viện thuộc lĩnh vực Y tế dự phòng, Y tế công cộng và các văn bản khác liên quan)	4 điểm
5.1	Tham gia xây dựng nội dung giáo dục sức khỏe và nâng cao sức khỏe ở lĩnh vực được giao phụ trách.	2 điểm
5.2	Triển khai thực hiện hoạt động giáo dục sức khỏe và nâng cao sức khỏe ở lĩnh vực được giao phụ trách.	2 điểm
6	Chỉ đạo quản lý và hỗ trợ chuyên môn kỹ thuật về lĩnh vực y tế dự phòng, y tế công cộng theo chức năng nhiệm vụ được cấp thẩm quyền giao (CNNV quy định tại Quy chế tổ chức và hoạt động của các Viện thuộc lĩnh vực Y tế dự phòng, Y tế công cộng và các văn bản khác liên quan)	5 điểm
6.1	Tham gia xây dựng quy trình, quy định, tiêu chuẩn về chuyên môn kỹ thuật lĩnh vực y tế dự phòng, y tế công cộng.	2 điểm
6.2	Hướng dẫn triển khai thực hiện và hỗ trợ chuyên môn kỹ thuật lĩnh vực y tế dự phòng, y tế công cộng theo địa bàn quản lý.	2 điểm
6.3	Kiểm tra, giám sát, đánh giá chuyên môn kỹ thuật lĩnh vực y tế dự phòng, y tế công cộng theo địa bàn quản lý.	1 điểm
7	Kết quả thực hiện chỉ tiêu chuyên môn được cấp thẩm quyền giao (3 năm liên tục) liền kề năm xếp hạng:	5 điểm
-	Đạt 100% kế hoạch được giao;	5 điểm
-	Đạt từ 80% đến dưới 100% kế hoạch được giao;	3 điểm
-	Đạt dưới 80% kế hoạch được giao.	1 điểm
8	Phòng xét nghiệm đủ năng lực và khả năng hỗ trợ công tác kiểm soát dịch bệnh, nghiên cứu sức khỏe cộng đồng. Vi sinh vật gây bệnh truyền nhiễm theo nhóm nguy cơ và cấp độ an toàn sinh học phù hợp với kỹ thuật xét nghiệm (Thông tư 41/2016/TT-BYT; CNNV quy định tại Quy chế tổ chức và hoạt động của các Viện thuộc lĩnh vực Y tế dự	3 điểm

	phòng, Y tế công cộng và các văn bản khác liên quan)	
-	Bảo đảm an toàn sinh học cấp III, IV theo quy định hiện hành;	3 điểm
-	Bảo đảm an toàn sinh học cấp II theo quy định hiện hành;	2 điểm
-	Bảo đảm an toàn sinh học cấp I theo quy định hiện hành.	1 điểm
9	Kết quả nghiên cứu khoa học	5 điểm
9.1	Từ 70% trở lên đề tài nghiên cứu khoa học được nghiệm thu đúng thời gian quy định.	2 điểm
9.2	Từ 70% trở lên đề tài nghiên cứu khoa học đã nghiệm thu được ứng dụng vào thực tiễn công tác y tế dự phòng.	3 điểm
10	Năng lực thực hiện dịch vụ về y tế dự phòng và y tế công cộng theo chức năng, nhiệm vụ được giao <i>Nhóm dịch vụ về kiểm dịch y tế biên giới ban hành kèm Quyết định số 5646/QĐ-BYT ngày 21/9/2018 của Bộ Y tế (59 dịch vụ); Nhóm dịch vụ về Dinh dưỡng và an toàn thực phẩm ban hành kèm Quyết định số 5648/QĐ-BYT ngày 21/9/2018 của Bộ Y tế (809 dịch vụ); Nhóm dịch vụ về phòng chống bệnh truyền nhiễm, bệnh do ký sinh trùng, côn trùng ban hành kèm Quyết định số 5649/QĐ-BYT ngày 21/9/2018 của Bộ Y tế (603 dịch vụ); Nhóm dịch vụ về sức khỏe môi trường, sức khỏe lao động, sức khỏe trường học ban hành kèm Quyết định số 5650/QĐ-BYT ngày 21/9/2018 của Bộ Y tế (340 dịch vụ).</i>	5 điểm
-	Thực hiện được trên 80% danh mục nhóm dịch vụ theo chức năng nhiệm vụ chuyên ngành được giao.	5 điểm
-	Thực hiện được từ 65% đến 80% danh mục nhóm dịch vụ theo chức năng nhiệm vụ chuyên ngành được giao.	3 điểm
-	Thực hiện được từ 50% đến 65% danh mục nhóm dịch vụ theo chức năng nhiệm vụ chuyên ngành được giao.	2 điểm
-	Thực hiện được dưới 50% danh mục nhóm dịch vụ theo chức năng nhiệm vụ chuyên ngành được giao.	1 điểm
	B. Phần dành Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tuyến tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương và các Trung tâm khác thuộc lĩnh vực y tế dự phòng	40 điểm
1	Phòng chống bệnh truyền nhiễm	5 điểm
1.1	Xây dựng kế hoạch hoạt động kiểm soát bệnh truyền nhiễm và tiêm chủng vắc xin phòng bệnh trên phạm vi địa bàn được cấp thẩm quyền giao	1 điểm
1.2	Giám sát phát hiện ca bệnh truyền nhiễm, bệnh chưa rõ nguyên nhân, véc tơ truyền bệnh, các yếu tố nguy cơ phát sinh và lây lan dịch bệnh	1 điểm
1.3	Giám sát và đánh giá nguy cơ dịch bệnh sốt rét, lập biểu đồ, bản đồ về tình rét của địa phương	0,5 điểm

1.4	Quản lý, phát hiện và xử lý các ổ dịch lưu hành, ổ dịch mới theo đúng chuyên môn, quy định của Bộ Y tế	0,5 điểm
1.5	Đào tạo, tập huấn nâng cao năng lực chuyên môn, nghiệp vụ, kỹ thuật về kiểm soát bệnh truyền nhiễm, tiêm chủng vắc xin phòng bệnh cho tuyến dưới và các đơn vị liên quan theo yêu cầu trên địa bàn	0,5 điểm
1.6	Kiểm tra, giám sát các cơ sở và chỉ tiêu tiêm chủng hằng năm theo phân cấp	0,5 điểm
1.7	Hướng dẫn các cơ sở tiêm chủng, đảm bảo an toàn tiêm chủng, xử lý phản ứng sau tiêm chủng và đánh giá phản ứng sau tiêm theo quy định	0,5 điểm
1.8	Thống kê, báo cáo về hoạt động kiểm soát bệnh truyền nhiễm và tiêm chủng vắc xin phòng bệnh theo quy định	0,5 điểm
2	Phòng chống HIV/AIDS	4 điểm
2.1	Xây dựng kế hoạch hoạt động phòng, chống HIV/AIDS trên phạm vi địa bàn được cấp thẩm quyền giao	1 điểm
2.2	Dự phòng lây nhiễm HIV	0,7 điểm
2.3	Tham gia chăm sóc, điều trị người nhiễm HIV/AIDS theo chức năng nhiệm vụ được giao	0,7 điểm
2.4	Giám sát, theo dõi, đánh giá và xét nghiệm HIV	0,6 điểm
2.5	Đào tạo, tập huấn nâng cao năng lực chuyên môn, nghiệp vụ, kỹ thuật về phòng chống HIV/AIDS cho tuyến dưới và các đơn vị liên quan theo yêu cầu trên địa bàn	0,5 điểm
2.6	Thống kê, báo cáo về hoạt động phòng chống HIV/AIDS theo quy định	0,5 điểm
3	Kiểm soát bệnh không lây nhiễm	3 điểm
3.1	Xây dựng kế hoạch hoạt động kiểm soát bệnh không lây nhiễm trên phạm vi địa bàn được cấp thẩm quyền giao	1 điểm
3.2	Hướng dẫn, tổ chức thực hiện hoạt động kiểm soát bệnh không lây nhiễm trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ được giao	0,5 điểm
3.3	Kiểm tra, giám sát các đơn vị tuyến dưới theo phân cấp	0,5 điểm
3.4	Đào tạo, tập huấn nâng cao năng lực chuyên môn, nghiệp vụ, kỹ thuật về kiểm soát bệnh không lây nhiễm cho tuyến dưới và các đơn vị liên quan theo yêu cầu trên địa bàn	0,5 điểm
3.5	Thống kê, báo cáo về hoạt động kiểm soát bệnh không lây nhiễm theo quy định	0,5 điểm
4	Dinh dưỡng	3 điểm
4.1	Xây dựng kế hoạch hoạt động dinh dưỡng trên phạm vi địa bàn được cấp thẩm quyền giao	1 điểm
4.2	Thực hiện các hoạt động dinh dưỡng trên địa bàn tỉnh theo chức năng, nhiệm vụ được giao	0,5 điểm

4.3	Giám sát dinh dưỡng, điều tra tình trạng dinh dưỡng, khẩu phần và các vấn đề dinh dưỡng đặc biệt khác cho các đối tượng trên địa bàn	0,5 điểm
4.4	Đào tạo, tập huấn nâng cao năng lực chuyên môn, nghiệp vụ, kỹ thuật về dinh dưỡng cho tuyến dưới và các đơn vị liên quan theo yêu cầu trên địa bàn	0,5 điểm
4.5	Thống kê, báo cáo hoạt động về dinh dưỡng theo quy định	0,5 điểm
5	Sức khỏe môi trường - y tế trường học - bệnh nghề nghiệp	5 điểm
5.1	Xây dựng kế hoạch hoạt động sức khỏe môi trường - y tế trường học - bệnh nghề nghiệp trên phạm vi địa bàn được cấp thẩm quyền giao	1 điểm
5.2	Ngoại kiểm định kỳ, đột xuất chất lượng nước sạch của tất cả các đơn vị cấp nước có quy mô từ 500 hộ gia đình trở lên (hoặc công suất thiết kế từ 1.000m ³ /ngày đêm trở lên trong trường hợp không xác định được số hộ gia đình)	0,3 điểm
5.3	Hướng dẫn và giám sát tuyến dưới triển khai việc thực hiện ngoại kiểm định kỳ, đột xuất chất lượng nước của các đơn vị cấp nước có quy mô dưới 500 hộ gia đình (hoặc công suất thiết kế dưới 1.000m ³ /ngày đêm trong trường hợp không xác định được số hộ gia đình); hướng dẫn, kiểm tra, đánh giá nhà tiêu hợp vệ sinh	0,3 điểm
5.4	Hướng dẫn việc thực hiện các quy định về bảo vệ môi trường, quản lý chất thải y tế theo chức năng nhiệm vụ được giao	0,3 điểm
5.5	Thực hiện các biện pháp xử lý ô nhiễm môi trường khi có dịch bệnh hoặc tại các vùng nguy cơ, thiên tai, thảm họa	0,3 điểm
5.6	Giám sát môi trường, điều kiện vệ sinh trong trường học, tình trạng dinh dưỡng và phát triển của học sinh, phát hiện sớm các nguy cơ sức khỏe, bệnh tật ở lứa tuổi học đường, quản lý tình trạng sức khỏe học sinh trên địa bàn	0,3 điểm
5.7	Kiểm tra, giám sát các điều kiện vệ sinh trường học trong các cơ sở giáo dục theo phân cấp, chỉ đạo hướng dẫn các trung tâm y tế huyện, trạm y tế xã thực hiện việc giám sát điều kiện vệ sinh trường học trong các cơ sở giáo dục	0,3 điểm
5.8	Quản lý về loại hình hoạt động, số người lao động, các yếu tố nguy hiểm, yếu tố có hại gây nguy cơ sức khỏe nghề nghiệp, bệnh nghề nghiệp phổ biến, phân loại sức khỏe người lao động, tình hình tai nạn lao động của các cơ sở sử dụng lao động trên địa bàn	0,3 điểm
5.9	Thực hiện việc quan trắc định kỳ môi trường lao động, điều kiện lao động tại các cơ sở sử dụng lao động có nguy cơ cao về bệnh nghề nghiệp và tai nạn lao động theo quy định; đề xuất các giải pháp cải thiện điều kiện, môi trường lao động	0,3 điểm
5.10	Tham gia điều tra, xử lý các sự cố, vụ nhiễm độc, tai nạn lao	0,3 điểm

	động chết người xảy ra tại các cơ sở sử dụng lao động (khi có yêu cầu của các cơ quan liên quan)	
5.11	Hướng dẫn, hỗ trợ y tế các cơ quan, tổ chức trong việc theo dõi, giám sát, quản lý sức khỏe người lao động; Tham gia khám giám định bệnh nghề nghiệp cho người lao động	0,3 điểm
5.12	Đào tạo, tập huấn nâng cao năng lực chuyên môn, nghiệp vụ, kỹ thuật về sức khỏe môi trường - y tế trường học - bệnh nghề nghiệp cho tuyến dưới và các đơn vị liên quan theo yêu cầu trên địa bàn	0,3 điểm
5.13	Thống kê, báo cáo về hoạt động sức khỏe môi trường - y tế trường học - bệnh nghề nghiệp theo quy định	0,5 điểm
6	Sức khỏe sinh sản	4 điểm
6.1	Xây dựng kế hoạch hoạt động sức khỏe sinh sản trên phạm vi địa bàn được cấp thẩm quyền giao	1 điểm
6.2	Chăm sóc sức khỏe bà mẹ theo chức năng, nhiệm vụ được giao	0,4 điểm
6.3	Chăm sóc sức khỏe trẻ em theo chức năng, nhiệm vụ được giao	0,4 điểm
6.4	Phòng chống nhiễm khuẩn và ung thư đường sinh sản theo chức năng, nhiệm vụ được giao	0,3 điểm
6.5	Cung cấp dịch vụ kế hoạch hóa gia đình và phá thai an toàn theo quy định	0,2 điểm
6.6	Chăm sóc sức khỏe sinh sản vị thành niên, nam giới theo chức năng, nhiệm vụ được giao	0,2 điểm
6.7	Kiểm tra, giám sát các đơn vị tuyến dưới theo phân cấp	0,5 điểm
6.8	Đào tạo, tập huấn nâng cao năng lực chuyên môn, nghiệp vụ, kỹ thuật về sức khỏe sinh sản cho tuyến dưới và các đơn vị liên quan theo yêu cầu trên địa bàn	0,5 điểm
6.9	Thống kê, báo cáo về hoạt động sức khỏe sinh sản theo quy định	0,5 điểm
7	Truyền thông, giáo dục sức khỏe	3 điểm
7.1	Xây dựng kế hoạch hoạt động truyền thông giáo dục sức khỏe trên phạm vi địa bàn được cấp thẩm quyền giao	1 điểm
7.2	Thực hiện các hoạt động truyền thông, giáo dục sức khỏe theo chức năng, nhiệm vụ được giao	0,3 điểm
7.3	Kiểm tra, giám sát việc thực hiện các hoạt động truyền thông tuyến dưới theo phân cấp	0,3 điểm
7.4	Cung cấp thông tin, xây dựng các thông điệp truyền thông và phối hợp với các cơ quan thông tin đại chúng, các tổ chức chính trị, xã hội tuyên truyền nâng cao nhận thức, thay đổi hành vi và nâng cao sức khỏe nhân dân	0,2 điểm
7.5	Xây dựng các tài liệu, sản phẩm truyền thông để cung cấp cho các cơ quan, đơn vị, các tuyến, người dân, cộng đồng	0,2 điểm
7.6	Đào tạo, tập huấn nâng cao năng lực chuyên môn, nghiệp vụ, kỹ thuật về truyền thông giáo dục sức khỏe cho tuyến dưới và	0,5 điểm

	các đơn vị liên quan theo yêu cầu trên địa bàn	
7.7	Thống kê, báo cáo về hoạt động truyền thông, giáo dục sức khỏe theo quy định	0,5 điểm
8	Ký sinh trùng - Côn trùng	2 điểm
8.1	Xây dựng kế hoạch hoạt động phòng chống các bệnh ký sinh trùng, côn trùng trên phạm vi địa bàn được cấp thẩm quyền giao	0,5 điểm
8.2	Thực hiện các hoạt động phòng chống các bệnh ký sinh trùng, côn trùng theo chức năng, nhiệm vụ được giao	0,3 điểm
8.3	Quản lý, điều tra, giám sát ổ dịch các bệnh ký sinh trùng, côn trùng trên phạm vi địa bàn được giao theo chức năng, nhiệm vụ	0,2 điểm
8.4	Giám sát côn trùng, vật chủ trung gian truyền bệnh, yếu tố nguy cơ phát sinh dịch bệnh	0,2 điểm
8.5	Đào tạo, tập huấn nâng cao năng lực chuyên môn, nghiệp vụ, kỹ thuật về phòng chống các bệnh ký sinh trùng, côn trùng cho tuyến dưới và các đơn vị liên quan theo yêu cầu trên địa bàn	0,3 điểm
8.6	Thống kê, báo cáo về hoạt động phòng chống các bệnh ký sinh trùng, côn trùng theo quy định	0,5 điểm
9	Kiểm dịch y tế	2 điểm
9.1	Xây dựng kế hoạch hoạt động kiểm dịch y tế biên giới trên phạm vi địa bàn được cấp thẩm quyền giao	0,5 điểm
9.2	Kiểm tra y tế, giám sát thường xuyên các bệnh truyền nhiễm và các yếu tố nguy cơ đối với sức khỏe cộng đồng theo quy định của pháp luật tại khu vực các cửa khẩu	0,2 điểm
9.3	Cấp giấy chứng nhận cho các đối tượng kiểm dịch y tế theo quy định; cấp giấy chứng nhận tiêm chủng (nếu được Sở Y tế giao nhiệm vụ)	0,2 điểm
9.4	Cung cấp thông tin về các đối tượng kiểm dịch y tế cho các đơn vị liên quan để quản lý và giám sát dịch bệnh	0,2 điểm
9.5	Đào tạo, tập huấn nâng cao năng lực chuyên môn, nghiệp vụ, kỹ thuật về kiểm dịch y tế biên giới theo quy định	0,3 điểm
9.6	Thống kê, báo cáo về hoạt động kiểm dịch y tế theo quy định	0,5 điểm
10	Kết quả thực hiện chỉ tiêu chuyên môn được cấp thẩm quyền giao (3 năm liên tục) liền kề năm xếp hạng:	3 điểm
10.1	Đạt 100% tổng số chỉ tiêu kế hoạch được giao;	3 điểm
10.2	Có ít nhất 1 năm đạt từ 70% đến 90% tổng số chỉ tiêu kế hoạch được giao; còn lại đạt 100%	2 điểm
10.3	Không đạt các tiêu chí trên.	1 điểm
11	Phòng xét nghiệm đủ năng lực và khả năng hỗ trợ công tác kiểm soát dịch bệnh, nghiên cứu sức khỏe cộng đồng. Vi sinh vật gây bệnh truyền nhiễm theo nhóm nguy cơ và cấp độ an toàn sinh học phù hợp với kỹ thuật xét nghiệm (Thông tư 41/2016/TT-BYT; Thông tư số 26/2017/TT-BYT	4 điểm

	ngày 26/6/2017 và các văn bản khác liên quan)	
11.1	Bảo đảm an toàn sinh học cấp III, IV theo quy định hiện hành;	4 điểm
11.2	Bảo đảm an toàn sinh học cấp II theo quy định hiện hành;	2 điểm
11.3	Bảo đảm an toàn sinh học cấp I theo quy định hiện hành.	1 điểm
12	Phòng xét nghiệm lý hóa đạt tiêu chuẩn và đủ năng lực xét nghiệm kiểm tra nước ăn uống sinh hoạt, an toàn thực phẩm theo chức năng nhiệm vụ được giao (Thông tư số 26/2017/TT-BYT ngày 26/6/2017 và các văn bản khác liên quan)	2 điểm
12.1	Thực hiện được trên 70% chỉ tiêu bắt buộc theo chức năng nhiệm vụ được giao;	2 điểm
12.2	Thực hiện được dưới 70% chỉ tiêu bắt buộc theo chức năng nhiệm vụ được giao.	1 điểm
V	Nhóm tiêu chuẩn V: Cơ sở hạ tầng, trang thiết bị	15 điểm
1	Kiến trúc theo tiêu chuẩn xây dựng	2 điểm
2	Môi trường, cảnh quan xanh, sạch, đẹp	1 điểm
3	Các phòng xét nghiệm tự công bố an toàn sinh học theo quy định (Hồ sơ công bố phòng xét nghiệm đạt an toàn sinh học theo quy định bao gồm: cơ sở vật chất, trang thiết bị, nhân sự và thực hành).	1 điểm
4	Phòng X quang hoặc thiết bị bức xạ được xây dựng theo quy chuẩn và tiêu chuẩn hiện hành, bảo đảm an toàn bức xạ theo quy định	1 điểm
5	Phòng xét nghiệm lý - hóa học bảo đảm an toàn lý hóa học theo quy định: các phương tiện bảo hộ lao động sẵn có và đầy đủ (kính, khẩu trang, găng tay,...), các thiết bị giặt nước khăn cấp, rửa mắt, dung dịch kiểm loăng có sẵn ở các vị trí thuận tiện; có hệ thống thu gom xử lý nước thải phòng lý hóa hoặc quy định về thu gom và xử lý tại chỗ chất thải lỏng (nếu chưa có hệ thống xử lý); số tủ hút tương ứng với các phòng xét nghiệm lý hóa	1 điểm
6	Phòng xét nghiệm được công nhận đạt tiêu chuẩn ISO 17025 đối với một số xét nghiệm bắt buộc về kiểm tra chất lượng nước ăn uống, sinh hoạt, thực phẩm	1 điểm
7	Có hệ thống điện ưu tiên, đảm bảo an toàn, có hệ thống điện dự phòng	1 điểm
8	Có hệ thống xử lý chất thải rắn, lỏng, khí đang hoạt động hoặc có hợp đồng xử lý chất thải rắn, lỏng, khí bảo đảm đủ tiêu chuẩn theo quy định	1 điểm
9	Ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ công tác chuyên môn, quản lý, thống kê để nâng cao hiệu quả công việc.	1 điểm
10	Trang thiết bị chuyên dùng được phân công quản lý cụ thể, có đầy đủ hồ sơ, sổ sách quản lý chất lượng theo quy định	1 điểm
11	Có kế hoạch hàng năm về công tác bảo dưỡng, sửa chữa,	1 điểm

	kiểm định trang thiết bị chuyên dùng trong toàn đơn vị. Triển khai thực hiện công tác bảo dưỡng, sửa chữa, kiểm định trang thiết bị chuyên dùng trong toàn đơn vị theo đúng kế hoạch	
12	Trang thiết bị chuyên dùng của đơn vị phù hợp với quyết định tiêu chuẩn định mức được phê duyệt	3 điểm
12.1	Đủ theo danh mục trang thiết bị chuyên dùng đáp ứng nhu cầu chuyên môn	2 điểm
12.2	Trang thiết bị phù hợp tiêu chuẩn định mức theo quy định	1 điểm

syt_dongnai_vt_Le Thi Dung_12022023

PHỤ LỤC 3
CÁC TIÊU CHUẨN VÀ BẢNG ĐIỂM XẾP HẠNG
TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN, QUẬN, THỊ XÃ, THÀNH PHỐ
THUỘC TỈNH, THÀNH PHỐ THUỘC TRUNG ƯƠNG

I	Nhóm tiêu chuẩn I: Vị trí, chức năng, nhiệm vụ	10 điểm
1	Vị trí chức năng, chỉ đạo kỹ thuật	4 điểm
1.1	Phạm vi quốc gia, khu vực (vùng, miền)	4 điểm
1.2	Phạm vi tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, ngành	2 điểm
1.3	Phạm vi quận, huyện, thị xã, thành phố trực thuộc tỉnh	1 điểm
2	Đào tạo	3 điểm
2.1	Tham gia, thực hiện đào tạo thực hành trình độ đại học và sau đại học lĩnh vực sức khỏe	3 điểm
2.2	Tham gia, thực hiện đào tạo thực hành trình độ cao đẳng lĩnh vực sức khỏe	2 điểm
2.3	Tham gia, thực hiện đào tạo bồi dưỡng, đào tạo liên tục theo đúng quy định	1 điểm
3	Nghiên cứu khoa học	3 điểm
3.1	Chủ trì nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp Quốc gia đã được cơ quan có thẩm quyền nghiệm thu	3 điểm
3.2	Chủ trì nhiệm vụ khoa học và công nghệ hoặc sáng kiến cấp Bộ, tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương đã được cơ quan có thẩm quyền nghiệm thu	2 điểm
3.3	Chủ trì nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở đã được cơ quan có thẩm quyền nghiệm thu	1 điểm
II	Nhóm tiêu chuẩn II: Quy mô và nội dung hoạt động	15 điểm
	Thực hiện các chức năng, nhiệm vụ của Trung tâm y tế quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh theo quy định	
1	Thực hiện đủ các hoạt động cung cấp dịch vụ chuyên môn, kỹ thuật về y tế dự phòng	2 điểm
2	Thực hiện đủ các hoạt động cung cấp dịch vụ chuyên môn, kỹ thuật về khám bệnh, chữa bệnh, phục hồi chức năng	2 điểm
3	Thực hiện đủ các hoạt động cung cấp dịch vụ về chuyên môn, kỹ thuật về chăm sóc sức khỏe sinh sản	1 điểm
4	Thực hiện đủ các hoạt động cung cấp dịch vụ chuyên môn, kỹ thuật về an toàn thực phẩm	1 điểm
5	Thực hiện đủ các hoạt động cung cấp dịch vụ chuyên môn, kỹ thuật về dân số	1 điểm
6	Thực hiện các xét nghiệm, chẩn đoán hình ảnh và thăm dò chức năng phục vụ cho hoạt động chuyên môn, kỹ thuật theo chức năng, nhiệm vụ của Trung tâm và nhu cầu của người dân; tổ chức thực hiện các biện pháp bảo đảm an toàn sinh học tại phòng xét nghiệm và an toàn bức xạ theo quy định của	1 điểm

	pháp luật	
7	Thực hiện các hoạt động dịch vụ y tế trong phòng chống khắc phục hậu quả thiên tai, thảm họa và đáp ứng tình trạng khẩn cấp về y tế	1 điểm
8	Tuyên truyền, cung cấp thông tin về chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước và tổ chức các hoạt động tư vấn, giáo dục, truyền thông, vận động nhân dân tham gia các hoạt động bảo vệ, chăm sóc, nâng cao sức khỏe, công tác dân số và phát triển trên địa bàn	1 điểm
9	Quản lý, hướng dẫn chuyên môn, nghiệp vụ	1 điểm
10	Đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ	1 điểm
11	Thực hiện việc tiếp nhận, cung ứng, bảo quản, cấp phát, sử dụng thuốc, phương tiện tránh thai, vắc xin, sinh phẩm y tế, hóa chất, trang thiết bị phục vụ cho hoạt động chuyên môn theo quy định của cấp có thẩm quyền ở địa phương và quy định của pháp luật	1 điểm
12	Triển khai thực hiện các dự án, chương trình y tế, dân số theo quy định của cấp có thẩm quyền ở địa phương; thực hiện kết hợp quân - dân y theo đặc điểm, tình hình thực tế và theo quy định của pháp luật	1 điểm
13	Thực hiện ký hợp đồng với cơ quan bảo hiểm xã hội để tổ chức khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế tại Trung tâm Y tế huyện và các đơn vị y tế thuộc Trung tâm Y tế huyện theo quy định của pháp luật	1 điểm
III	Nhóm tiêu chuẩn III: Nhân lực	20 điểm
1	Bảo đảm số lượng người làm việc tại các vị trí việc làm chuyên môn chuyên ngành chiếm tỷ lệ tối thiểu 65% tổng số lượng người làm việc của đơn vị	3 điểm
2	Các trưởng khoa, phó trưởng khoa, phòng chuyên môn	5 điểm
2.1	50% trở lên có trình độ tiến sĩ, chuyên khoa II	5 điểm
2.2	Dưới 50% bác sĩ, dược sĩ có trình độ tiến sĩ, chuyên khoa II	2 điểm
3	Điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật viên trưởng các khoa lâm sàng	5 điểm
3.1	Từ 60% trở lên có trình độ sau đại học	5 điểm
3.2	Từ 40% đến dưới 60% có trình độ sau đại học	3 điểm
3.3	Từ 20% đến dưới 40% có trình độ sau đại học	2 điểm
3.4	Dưới 20% có trình độ sau đại học	1 điểm
5	Bác sĩ điều trị ở các khoa lâm sàng, viên chức ở các khoa, phòng chuyên môn	7 điểm
5.1	Trên 50% có trình độ chuyên khoa I và tương đương	7 điểm
5.2	Từ 20-50% có trình độ bác sĩ chuyên khoa I và tương đương	4 điểm
IV	Nhóm tiêu chuẩn IV: Khả năng chuyên môn	40 điểm

1	Các kỹ thuật chuyên khoa mà bệnh viện được phê duyệt thuộc phân loại phẫu thuật thủ thuật loại đặc biệt	5 điểm
1.1	Tỷ lệ các kỹ thuật chuyên khoa mà bệnh viện được phê duyệt thuộc phân loại phẫu thuật thủ thuật loại đặc biệt đạt 100% danh mục kỹ thuật của chuyên khoa đó	5 điểm
1.2	Tỷ lệ các kỹ thuật chuyên khoa mà bệnh viện được phê duyệt thuộc phân loại phẫu thuật thủ thuật loại đặc biệt đạt ≥ 70 đến < 100 danh mục kỹ thuật của chuyên khoa đó	4 điểm
1.3	Tỷ lệ các kỹ thuật chuyên khoa mà bệnh viện được phê duyệt thuộc phân loại phẫu thuật thủ thuật loại đặc biệt đạt ≥ 50 đến < 70 danh mục kỹ thuật của chuyên khoa đó	3 điểm
1.4	Tỷ lệ các kỹ thuật chuyên khoa mà bệnh viện được phê duyệt thuộc phân loại phẫu thuật thủ thuật loại đặc biệt đạt $< 50\%$ danh mục kỹ thuật của chuyên khoa đó	2 điểm
2	Các kỹ thuật chuyên khoa mà bệnh viện được phê duyệt thuộc phân loại phẫu thuật thủ thuật loại I	5 điểm
2.1	Tỷ lệ các kỹ thuật chuyên khoa mà bệnh viện được phê duyệt thuộc phân loại phẫu thuật thủ thuật loại I đạt 100% danh mục kỹ thuật của chuyên khoa đó	5 điểm
2.2	Tỷ lệ các kỹ thuật chuyên khoa mà bệnh viện được phê duyệt thuộc phân loại phẫu thuật thủ thuật loại I đạt ≥ 70 đến < 100 danh mục kỹ thuật của chuyên khoa đó	4 điểm
2.3	Tỷ lệ các kỹ thuật chuyên khoa mà bệnh viện được phê duyệt thuộc phân loại phẫu thuật thủ thuật loại I đạt ≥ 50 đến < 70 danh mục kỹ thuật của chuyên khoa đó	3 điểm
2.4	Tỷ lệ các kỹ thuật chuyên khoa mà bệnh viện được phê duyệt thuộc phân loại phẫu thuật thủ thuật loại I đạt $< 50\%$ danh mục kỹ thuật của chuyên khoa đó	2 điểm
3	Các kỹ thuật chuyên khoa mà bệnh viện được phê duyệt thuộc phân loại phẫu thuật thủ thuật loại II	5 điểm
3.1	Tỷ lệ các kỹ thuật chuyên khoa mà bệnh viện được phê duyệt thuộc phân loại phẫu thuật thủ thuật loại II đạt 100% danh mục kỹ thuật của chuyên khoa đó	5 điểm
3.2	Tỷ lệ các kỹ thuật chuyên khoa mà bệnh viện được phê duyệt thuộc phân loại phẫu thuật thủ thuật loại II đạt ≥ 70 đến < 100 danh mục kỹ thuật của chuyên khoa đó	4 điểm
3.3	Tỷ lệ các kỹ thuật chuyên khoa mà bệnh viện được phê duyệt thuộc phân loại phẫu thuật thủ thuật loại II đạt ≥ 50 đến < 70 danh mục kỹ thuật của chuyên khoa đó	3 điểm

3.4	Tỷ lệ các kỹ thuật chuyên khoa mà bệnh viện được phê duyệt thuộc phân loại phẫu thuật thủ thuật loại II đạt < 50% danh mục kỹ thuật của chuyên khoa đó	2 điểm
4	Các kỹ thuật chuyên khoa mà bệnh viện được phê duyệt thuộc phân loại phẫu thuật thủ thuật loại III	5 điểm
4.1	Tỷ lệ các kỹ thuật chuyên khoa mà bệnh viện được phê duyệt thuộc phân loại phẫu thuật thủ thuật loại III đạt 100% danh mục kỹ thuật của chuyên khoa đó	5 điểm
4.2	Tỷ lệ các kỹ thuật chuyên khoa mà bệnh viện được phê duyệt thuộc phân loại phẫu thuật thủ thuật loại III đạt ≥ 70 đến < 100 danh mục kỹ thuật của chuyên khoa đó	4 điểm
4.3	Tỷ lệ các kỹ thuật chuyên khoa mà bệnh viện được phê duyệt thuộc phân loại phẫu thuật thủ thuật loại III đạt ≥ 50 đến < 70 danh mục kỹ thuật của chuyên khoa đó	3 điểm
4.4	Tỷ lệ các kỹ thuật chuyên khoa mà bệnh viện được phê duyệt thuộc phân loại phẫu thuật thủ thuật loại III đạt < 50% danh mục kỹ thuật của chuyên khoa đó	2 điểm
5	Phòng chống bệnh truyền nhiễm	2,5 điểm
5.1	Xây dựng kế hoạch hoạt động kiểm soát bệnh truyền nhiễm và tiêm chủng vắc xin phòng bệnh trên phạm vi địa bàn được cấp thẩm quyền giao	0,5 điểm
2.2	Giám sát phát hiện ca bệnh truyền nhiễm, bệnh chưa rõ nguyên nhân, véc tơ truyền bệnh, các yếu tố nguy cơ phát sinh và lây lan dịch bệnh	0,5 điểm
5.3	Giám sát và đánh giá nguy cơ dịch bệnh sốt rét, lập biểu đồ, bản đồ về tình rét của địa phương	0,25 điểm
5.4	Quản lý, phát hiện và xử lý các ổ dịch lưu hành, ổ dịch mới theo đúng chuyên môn, quy định của Bộ Y tế	0,25 điểm
5.5	Đào tạo, tập huấn nâng cao năng lực chuyên môn, nghiệp vụ, kỹ thuật về kiểm soát bệnh truyền nhiễm, tiêm chủng vắc xin phòng bệnh cho tuyến dưới và các đơn vị liên quan theo yêu cầu trên địa bàn	0,25 điểm
5.6	Kiểm tra, giám sát các cơ sở và chỉ tiêu tiêm chủng hằng năm theo phân cấp	0,25 điểm
5.7	Hướng dẫn các cơ sở tiêm chủng, đảm bảo an toàn tiêm chủng, xử lý phản ứng sau tiêm chủng và đánh giá phản ứng sau tiêm theo quy định	0,25 điểm
5.8	Thống kê, báo cáo về hoạt động kiểm soát bệnh truyền nhiễm và tiêm chủng vắc xin phòng bệnh theo quy định	0,25 điểm
6	Phòng chống HIV/AIDS	2 điểm

6.1	Xây dựng kế hoạch hoạt động phòng, chống HIV/AIDS trên phạm vi địa bàn được cấp thẩm quyền giao	0,5 điểm
6.2	Dự phòng lây nhiễm HIV	0,35 điểm
6.3	Tham gia chăm sóc, điều trị người nhiễm HIV/AIDS theo chức năng nhiệm vụ được giao	0,35 điểm
6.4	Giám sát, theo dõi, đánh giá và xét nghiệm HIV	0,3 điểm
6.5	Đào tạo, tập huấn nâng cao năng lực chuyên môn, nghiệp vụ, kỹ thuật về phòng chống HIV/AIDS cho tuyến dưới và các đơn vị liên quan theo yêu cầu trên địa bàn	0,25 điểm
6.6	Thống kê, báo cáo về hoạt động phòng chống HIV/AIDS theo quy định	0,25 điểm
7	Kiểm soát bệnh không lây nhiễm	1,5 điểm
7.1	Xây dựng kế hoạch hoạt động kiểm soát bệnh không lây nhiễm trên phạm vi địa bàn được cấp thẩm quyền giao	0,5 điểm
7.2	Hướng dẫn, tổ chức thực hiện hoạt động kiểm soát bệnh không lây nhiễm trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ được giao	0,25 điểm
7.3	Kiểm tra, giám sát các đơn vị tuyến dưới theo phân cấp	0,25 điểm
7.4	Đào tạo, tập huấn nâng cao năng lực chuyên môn, nghiệp vụ, kỹ thuật về kiểm soát bệnh không lây nhiễm cho tuyến dưới và các đơn vị liên quan theo yêu cầu trên địa bàn	0,25 điểm
7.5	Thống kê, báo cáo về hoạt động kiểm soát bệnh không lây nhiễm theo quy định	0,25 điểm
8	Dinh dưỡng	1,5 điểm
8.1	Xây dựng kế hoạch hoạt động dinh dưỡng trên phạm vi địa bàn được cấp thẩm quyền giao	0,5 điểm
8.2	Thực hiện các hoạt động dinh dưỡng trên địa bàn tỉnh theo chức năng, nhiệm vụ được giao	0,25 điểm
8.3	Giám sát dinh dưỡng, điều tra tình trạng dinh dưỡng, khẩu phần và các vấn đề dinh dưỡng đặc biệt khác cho các đối tượng trên địa bàn	0,25 điểm
8.4	Đào tạo, tập huấn nâng cao năng lực chuyên môn, nghiệp vụ, kỹ thuật về dinh dưỡng cho tuyến dưới và các đơn vị liên quan theo yêu cầu trên địa bàn	0,25 điểm
8.5	Thống kê, báo cáo hoạt động về dinh dưỡng theo quy định	0,25 điểm
9	Sức khỏe môi trường - y tế trường học - bệnh nghề nghiệp	2,5 điểm
9.1	Xây dựng kế hoạch hoạt động sức khỏe môi trường - y tế trường học - bệnh nghề nghiệp trên phạm vi địa bàn được cấp thẩm quyền giao	05 điểm
9.2	Ngoại kiểm định kỳ, đột xuất chất lượng nước sạch của tất cả các đơn vị cấp nước có quy mô từ 500 hộ gia đình trở lên	0,15 điểm

	(hoặc công suất thiết kế từ 1.000m ³ /ngày đêm trở lên trong trường hợp không xác định được số hộ gia đình)	
9.3	Hướng dẫn và giám sát tuyến dưới triển khai việc thực hiện ngoại kiểm định kỳ, đột xuất chất lượng nước của các đơn vị cấp nước có quy mô dưới 500 hộ gia đình (hoặc công suất thiết kế dưới 1.000m ³ /ngày đêm trong trường hợp không xác định được số hộ gia đình); hướng dẫn, kiểm tra, đánh giá nhà tiêu hợp vệ sinh	0,15 điểm
9.4	Hướng dẫn việc thực hiện các quy định về bảo vệ môi trường, quản lý chất thải y tế theo chức năng nhiệm vụ được giao	0,15 điểm
9.5	Thực hiện các biện pháp xử lý ô nhiễm môi trường khi có dịch bệnh hoặc tại các vùng nguy cơ, thiên tai, thảm họa	0,15 điểm
9.6	Giám sát môi trường, điều kiện vệ sinh trong trường học, tình trạng dinh dưỡng và phát triển của học sinh, phát hiện sớm các nguy cơ sức khỏe, bệnh tật ở lứa tuổi học đường, quản lý tình trạng sức khỏe học sinh trên địa bàn	0,15 điểm
9.7	Kiểm tra, giám sát các điều kiện vệ sinh trường học trong các cơ sở giáo dục theo phân cấp, chỉ đạo hướng dẫn các trung tâm y tế huyện, trạm y tế xã thực hiện việc giám sát điều kiện vệ sinh trường học trong các cơ sở giáo dục	0,15 điểm
9.8	Quản lý về loại hình hoạt động, số người lao động, các yếu tố nguy hiểm, yếu tố có hại gây nguy cơ sức khỏe nghề nghiệp, bệnh nghề nghiệp phổ biến, phân loại sức khỏe người lao động, tình hình tai nạn lao động của các cơ sở sử dụng lao động trên địa bàn	0,15 điểm
9.9	Thực hiện việc quan trắc định kỳ môi trường lao động, điều kiện lao động tại các cơ sở sử dụng lao động có nguy cơ cao về bệnh nghề nghiệp và tai nạn lao động theo quy định; đề xuất các giải pháp cải thiện điều kiện, môi trường lao động	0,15 điểm
9.10	Tham gia điều tra, xử lý các sự cố, vụ nhiễm độc, tai nạn lao động chết người xảy ra tại các cơ sở sử dụng lao động (khi có yêu cầu của các cơ quan liên quan)	0,15 điểm
9.11	Hướng dẫn, hỗ trợ y tế các cơ quan, tổ chức trong việc theo dõi, giám sát, quản lý sức khỏe người lao động; Tham gia khám giám định bệnh nghề nghiệp cho người lao động	0,15 điểm
9.12	Đào tạo, tập huấn nâng cao năng lực chuyên môn, nghiệp vụ, kỹ thuật về sức khỏe môi trường - y tế trường học - bệnh nghề nghiệp cho tuyến dưới và các đơn vị liên quan theo yêu cầu trên địa bàn	0,15 điểm
9.13	Thống kê, báo cáo về hoạt động sức khỏe môi trường - y tế trường học - bệnh nghề nghiệp theo quy định	0,25 điểm

10	Sức khỏe sinh sản	2 điểm
10.1	Xây dựng kế hoạch hoạt động sức khỏe sinh sản trên phạm vi địa bàn được cấp thẩm quyền giao	0,5 điểm
10.2	Chăm sóc sức khỏe bà mẹ theo chức năng, nhiệm vụ được giao	0,2 điểm
10.3	Chăm sóc sức khỏe trẻ em theo chức năng, nhiệm vụ được giao	0,2 điểm
10.4	Phòng chống nhiễm khuẩn và ung thư đường sinh sản theo chức năng, nhiệm vụ được giao	0,15 điểm
10.5	Cung cấp dịch vụ kế hoạch hóa gia đình và phá thai an toàn theo quy định	0,1 điểm
10.6	Chăm sóc sức khỏe sinh sản vị thành niên, nam giới theo chức năng, nhiệm vụ được giao	0,1 điểm
10.7	Kiểm tra, giám sát các đơn vị tuyến dưới theo phân cấp	0,25 điểm
10.8	Đào tạo, tập huấn nâng cao năng lực chuyên môn, nghiệp vụ, kỹ thuật về sức khỏe sinh sản cho tuyến dưới và các đơn vị liên quan theo yêu cầu trên địa bàn	0,25 điểm
10.9	Thống kê, báo cáo về hoạt động sức khỏe sinh sản theo quy định	0,25 điểm
11	Truyền thông, giáo dục sức khỏe	1,5 điểm
11.1	Xây dựng kế hoạch hoạt động truyền thông giáo dục sức khỏe trên phạm vi địa bàn được cấp thẩm quyền giao	0,5 điểm
11.2	Thực hiện các hoạt động truyền thông, giáo dục sức khỏe theo chức năng, nhiệm vụ được giao	0,15 điểm
11.3	Kiểm tra, giám sát việc thực hiện các hoạt động truyền thông tuyến dưới theo phân cấp	0,15 điểm
11.4	Cung cấp thông tin, xây dựng các thông điệp truyền thông và phối hợp với các cơ quan thông tin đại chúng, các tổ chức chính trị, xã hội tuyên truyền nâng cao nhận thức, thay đổi hành vi và nâng cao sức khỏe nhân dân	0,1 điểm
11.5	Xây dựng các tài liệu, sản phẩm truyền thông để cung cấp cho các cơ quan, đơn vị, các tuyến, người dân, cộng đồng	0,1 điểm
11.6	Đào tạo, tập huấn nâng cao năng lực chuyên môn, nghiệp vụ, kỹ thuật về truyền thông giáo dục sức khỏe cho tuyến dưới và các đơn vị liên quan theo yêu cầu trên địa bàn	0,25 điểm
11.7	Thống kê, báo cáo về hoạt động truyền thông, giáo dục sức khỏe theo quy định	0,25 điểm
12	Ký sinh trùng - Côn trùng	1 điểm
12.1	Xây dựng kế hoạch hoạt động phòng chống các bệnh ký sinh trùng, côn trùng trên phạm vi địa bàn được cấp thẩm quyền giao	0,25 điểm
12.2	Thực hiện các hoạt động phòng chống các bệnh ký sinh trùng, côn trùng theo chức năng, nhiệm vụ được giao	0,15 điểm

12.3	Quản lý, điều tra, giám sát ổ dịch các bệnh ký sinh trùng, côn trùng trên phạm vi địa bàn được giao theo chức năng, nhiệm vụ	0,1 điểm
12.4	Giám sát côn trùng, vật chủ trung gian truyền bệnh, yếu tố nguy cơ phát sinh dịch bệnh	0,1 điểm
12.5	Đào tạo, tập huấn nâng cao năng lực chuyên môn, nghiệp vụ, kỹ thuật về phòng chống các bệnh ký sinh trùng, côn trùng cho tuyến dưới và các đơn vị liên quan theo yêu cầu trên địa bàn	0,15 điểm
12.6	Thống kê, báo cáo về hoạt động phòng chống các bệnh ký sinh trùng, côn trùng theo quy định	0,25 điểm
13	Kiểm dịch y tế	1 điểm
13.1	Xây dựng kế hoạch hoạt động kiểm dịch y tế biên giới trên phạm vi địa bàn được cấp thẩm quyền giao	0,25 điểm
13.2	Kiểm tra y tế, giám sát thường xuyên các bệnh truyền nhiễm và các yếu tố nguy cơ đối với sức khỏe cộng đồng theo quy định của pháp luật tại khu vực các cửa khẩu	0,1 điểm
13.3	Cấp giấy chứng nhận cho các đối tượng kiểm dịch y tế theo quy định; cấp giấy chứng nhận tiêm chủng (nếu được Sở Y tế giao nhiệm vụ)	0,1 điểm
13.4	Cung cấp thông tin về các đối tượng kiểm dịch y tế cho các đơn vị liên quan để quản lý và giám sát dịch bệnh	0,1 điểm
13.5	Đào tạo, tập huấn nâng cao năng lực chuyên môn, nghiệp vụ, kỹ thuật về kiểm dịch y tế biên giới theo quy định	0,15 điểm
13.6	Thống kê, báo cáo về hoạt động kiểm dịch y tế theo quy định	0,25 điểm
14	Kết quả thực hiện chỉ tiêu chuyên môn được cấp thẩm quyền giao (3 năm liên tục) liền kề năm xếp hạng:	1,5 điểm
14.1	Đạt 100% tổng số chỉ tiêu kế hoạch được giao;	1,5 điểm
14.2	Có ít nhất 1 năm đạt từ 70% đến 90% tổng số chỉ tiêu kế hoạch được giao; còn lại đạt 100%	1 điểm
14.3	Không đạt các tiêu chí trên.	0,5 điểm
15	Phòng xét nghiệm đủ năng lực và khả năng hỗ trợ công tác kiểm soát dịch bệnh, nghiên cứu sức khỏe cộng đồng. Vi sinh vật gây bệnh truyền nhiễm theo nhóm nguy cơ và cấp độ an toàn sinh học phù hợp với kỹ thuật xét nghiệm (Thông tư 41/2016/TT-BYT; Thông tư số 26/2017/TT-BYT ngày 26/6/2017 và các văn bản khác liên quan)	2 điểm
15.1	Bảo đảm an toàn sinh học cấp III, IV theo quy định hiện hành;	2 điểm
15.2	Bảo đảm an toàn sinh học cấp II theo quy định hiện hành;	1 điểm
15.3	Bảo đảm an toàn sinh học cấp I theo quy định hiện hành.	0,5 điểm
16	Phòng xét nghiệm lý hóa đạt tiêu chuẩn và đủ năng lực xét nghiệm kiểm tra nước ăn uống sinh hoạt, an toàn thực phẩm	1 điểm

	theo chức năng nhiệm vụ được giao (Thông tư số 26/2017/TT-BYT ngày 26/6/2017 và các văn bản khác liên quan)	
16.1	Thực hiện được trên 70% chỉ tiêu bắt buộc theo chức năng nhiệm vụ được giao;	1 điểm
16.2	Thực hiện được dưới 70% chỉ tiêu bắt buộc theo chức năng nhiệm vụ được giao.	0,5 điểm
V	Nhóm tiêu chuẩn V: Cơ sở hạ tầng, trang thiết bị	15 điểm
1	Kiến trúc theo tiêu chuẩn xây dựng	1 điểm
2	Môi trường, cảnh quan xanh, sạch, đẹp	1 điểm
3	Đường giao thông nội bộ bảo đảm thuận tiện cho cấp cứu vận chuyển bệnh nhân, phòng cháy chữa cháy, phân luồng giao thông rõ ràng mạch lạc	1 điểm
4	Khu kỹ thuật (phòng mổ, hồi sức, phòng đẻ, phòng thực hiện các thủ thuật, kỹ thuật, phòng X-quang,...) đáp ứng các tiêu chuẩn hiện hành	1 điểm
5	Tiện nghi khoa, buồng bệnh	2 điểm
	Bảo đảm điều kiện, tiện nghi tại các khoa buồng bệnh	1 điểm
	Phòng phẫu thuật và ICU có hệ thống khí sạch AHU. Phòng hồi sức cấp cứu, phòng đẻ, phòng phẫu thuật có phương tiện gọi trực khẩn cấp.	1 điểm
6	Phòng xét nghiệm lý-hóa học bảo đảm an toàn lý hóa học theo quy định: các phương tiện bảo hộ lao động sẵn có và đầy đủ (kính, khẩu trang, găng tay,...), các thiết bị giặt nước khăn cấp, rửa mắt, dung dịch kiểm soát có sẵn ở các vị trí thuận tiện; có hệ thống thu gom xử lý nước thải phòng lý hóa hoặc quy định về thu gom và xử lý tại chỗ chất thải lỏng (nếu chưa có hệ thống xử lý); số tủ hút tương ứng với các phòng xét nghiệm lý hóa	1 điểm
7	Có hệ thống điện đảm bảo các tiêu chuẩn và công suất sử dụng có (hệ thống an toàn điện cho các thiết bị y tế, lộ cấp điện ưu tiên, máy phát điện dự phòng, hệ thống lưu điện)	1 điểm
8	Có hệ thống xử lý chất thải rắn, lỏng, khí đang hoạt động hoặc có hợp đồng xử lý chất thải rắn, lỏng, khí bảo đảm đủ tiêu chuẩn theo quy định	1 điểm
9	Ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ công tác chuyên môn, quản lý, thống kê để nâng cao hiệu quả công việc.	1 điểm
10	Trang thiết bị chuyên dùng được phân công quản lý cụ thể, có đầy đủ hồ sơ, sổ sách quản lý chất lượng theo quy định	1 điểm
11	Có kế hoạch hàng năm về công tác bảo dưỡng, sửa chữa, kiểm định trang thiết bị chuyên dùng trong toàn đơn vị. Triển khai thực hiện công tác bảo dưỡng, sửa chữa, kiểm định trang thiết bị chuyên dùng trong toàn đơn vị theo đúng kế hoạch.	1 điểm

12	Trang thiết bị chuyên dùng của đơn vị phù hợp với quyết định tiêu chuẩn định mức được phê duyệt	3 điểm
13	- Đủ theo danh mục trang thiết bị chuyên dùng đáp ứng nhu cầu chuyên môn	2 điểm
	- Phù hợp tiêu chuẩn định mức theo quy định	1 điểm

syt_dongnai_vt_Le Thi Dung_14032018

PHỤ LỤC 4
CÁC TIÊU CHUẨN VÀ BẢNG ĐIỂM XẾP HẠNG CÁC VIỆN;
TRUNG TÂM KIỂM NGHIỆM, KIỂM ĐỊNH, TRUNG TÂM
KIỂM NGHIỆM THUỐC, MỸ PHẨM, THỰC PHẨM
TỈNH, THÀNH PHỐ TRỰC THUỘC TRUNG ƯƠNG

I	Nhóm tiêu chuẩn I: Vị trí, chức năng, nhiệm vụ	10 điểm
1	Vị trí chức năng, chỉ đạo kỹ thuật	4 điểm
a)	Phạm vi quốc gia	4 điểm
b)	Phạm vi khu vực (vùng, miền)	2 điểm
c)	Phạm vi tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương	1 điểm
2	Đào tạo	3 điểm
a)	Tham gia, thực hiện đào tạo thực hành trình độ đại học và sau đại học lĩnh vực sức khỏe	3 điểm
b)	Tham gia, thực hiện đào tạo thực hành trình độ cao đẳng lĩnh vực sức khỏe	2 điểm
c)	Tham gia, thực hiện đào tạo bồi dưỡng, đào tạo liên tục theo đúng quy định	1 điểm
3	Nghiên cứu khoa học	3 điểm
a)	Chủ trì nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp Quốc gia đã được cơ quan có thẩm quyền nghiệm thu	3 điểm
b)	Chủ trì nhiệm vụ khoa học và công nghệ hoặc sáng kiến cấp Bộ, tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương đã được cơ quan có thẩm quyền nghiệm thu	2 điểm
c)	Chủ trì nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở đã được cơ quan có thẩm quyền nghiệm thu	1 điểm
II	Nhóm tiêu chuẩn II: Quy mô và nội dung hoạt động	15 điểm
1	Đối tượng kiểm nghiệm/kiểm định	7 điểm
a)	Thuốc, nguyên liệu làm thuốc (không bao gồm vắc xin, sinh phẩm y tế) hoặc thực phẩm	3 điểm
b)	Vắc xin, sinh phẩm y tế	2 điểm
c)	Mỹ phẩm	1 điểm
d)	Dịch sinh học (cho thử tương đương sinh học, thử sinh khả dụng)	1 điểm
2	Loại mẫu	4 điểm
a)	Mẫu lấy phục vụ công tác kiểm tra, giám sát thị trường	2 điểm
b)	Mẫu dịch vụ	1 điểm
c)	Mẫu phục vụ cho các đề tài nghiên cứu khoa học	1 điểm
3	Tổng số lượng mẫu thực hiện tính trung bình trong 5 năm gần nhất	4 điểm
a)	Từ 1500 mẫu trở lên	4 điểm
b)	Từ 800 mẫu đến dưới 1500 mẫu	3 điểm
c)	Từ 500 mẫu đến dưới 800 mẫu	2 điểm

d)	Dưới 500 mẫu	1 điểm
III	Nhóm tiêu chuẩn III: Nhân lực	20 điểm
1	Bảo đảm số lượng người làm việc tại các vị trí việc làm chuyên môn chuyên ngành chiếm tỷ lệ tối thiểu 65% tổng số lượng người làm việc của đơn vị.	4 điểm
2	Các trưởng khoa, phòng và phó trưởng khoa, phòng chuyên môn	8 điểm
2.1	50% trở lên có trình độ tiến sĩ, chuyên khoa II	8 điểm
2.2	Từ 20% đến dưới 50% có trình độ tiến sĩ, chuyên khoa II	4 điểm
3	Viên chức ở các khoa, phòng chuyên môn	8 điểm
3.1	Trên 50% có trình độ thạc sĩ và tương đương	8 điểm
3.2	Từ 20 - 50% có trình độ thạc sĩ và tương đương	4 điểm
IV	Nhóm tiêu chuẩn IV: Khả năng chuyên môn	40 điểm
1	Các chứng chỉ được công nhận	14 điểm
1.1	Chứng chỉ cấp quốc tế về thử nghiệm	7 điểm
a)	Chứng chỉ đạt GLP hoặc tương đương do WHO hoặc cơ quan quản lý có thẩm quyền thuộc các nước SRA cấp/ chứng nhận: 7 điểm	
b)	Chứng chỉ đạt ISO/IEC 17025 do đơn vị được công nhận, thừa nhận bởi tổ chức công nhận quốc tế cấp: 6 điểm	
1.2	Chứng chỉ cấp quốc gia về thử nghiệm	6 điểm
	- Chứng chỉ đạt GLP do cơ quan quản lý có thẩm quyền của Bộ Y tế cấp: 6 điểm	
	- Chứng chỉ đạt ISO/IEC 17025: 5 điểm	
1.3	Chứng chỉ khác liên quan (ISO 17034, ISO/IEC 17043...)	1 điểm
2	Phạm vi hiệu chuẩn	6 điểm
2.1	Chứng chỉ công nhận về hiệu chuẩn thiết bị phân tích	6 điểm
2.2	Có khả năng tự hiệu chuẩn: Tính 0,3 điểm cho mỗi loại thiết bị, tối đa 3 điểm (áp dụng cho trường hợp không có chứng chỉ công nhận hiệu chuẩn, có khả năng tự hiệu chuẩn)	3 điểm
3	Thiết lập chuẩn đối chiếu	7 điểm
3.1	Chuẩn đối chiếu cấp quốc tế (ASEAN, khu vực...)	7 điểm
3.2	Chuẩn đối chiếu cấp quốc gia	5 điểm
3.3	Chuẩn đối chiếu cấp phòng thí nghiệm (tự thiết lập và sử dụng nội bộ)	3 điểm
4	Tổ chức các chương trình (Do đơn vị chủ trì thực hiện trong thời gian 05 năm gần nhất kể từ ngày nộp Hồ sơ xếp hạng đơn vị)	7 điểm
4.1	Tổ chức các chương trình thử nghiệm thành thạo	3 điểm
4.2	Tổ chức các chương trình đào tạo về chuyên môn, kỹ thuật, quản lý chuyên ngành	2 điểm

4.3	Tổ chức các hội nghị, hội thảo chuyên ngành	2 điểm
	- Quy mô quốc tế: 2 điểm	
	- Quy mô toàn quốc, khu vực: 1 điểm	
	- Quy mô tỉnh, thành phố: 0,5 điểm	
5.1	Năng lực nghiên cứu khoa học (Nghiên cứu khoa học do đơn vị chủ trì thực hiện trong thời gian 5 năm gần nhất kể từ ngày nộp hồ sơ đăng ký)	6 điểm
5.2	Xây dựng các quy chuẩn kỹ thuật quốc gia (QCVN), tiêu chuẩn Quốc gia (TCVN), Dược điển Việt Nam	3 điểm
5.3	Thực hiện và triển khai áp dụng đề tài cấp Bộ, cấp tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương tại đơn vị; xây dựng các quy chuẩn kỹ thuật	2 điểm
5.4	Xây dựng, phát triển, thẩm định phương pháp phân tích và áp dụng nội bộ	1 điểm
V	Nhóm tiêu chuẩn V: Cơ sở hạ tầng, trang thiết bị	15 điểm
1	Kiến trúc theo tiêu chuẩn xây dựng	2 điểm
2	Môi trường, cảnh quan xanh, sạch, đẹp	1 điểm
3	Phòng kiểm nghiệm bảo đảm an toàn phòng thí nghiệm theo quy định	1 điểm
4	Có hệ thống điện dự phòng	1 điểm
5	Có hệ thống xử lý chất thải rắn, lỏng, khí đang hoạt động hoặc có hợp đồng xử lý chất thải rắn, lỏng, khí bảo đảm đáp ứng tiêu chuẩn theo quy định	1 điểm
	- Có hệ thống xử lý: 1 điểm	
	- Không có hệ thống xử lý nhưng có hợp đồng xử lý: 0,5 điểm	
6	Ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ công tác chuyên môn, quản lý, thống kê để nâng cao hiệu quả công việc	3 điểm
	- Có phần mềm chuyên biệt quản lý hoạt động chuyên môn, kỹ thuật: 2 điểm	
	- Có hệ thống máy chủ riêng, mạng nội bộ hoặc có trang thông tin điện tử của đơn vị: 1 điểm	
7	Danh mục trang thiết bị chuyên dùng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật chuyên môn được triển khai tại đơn vị; phù hợp với tiêu chuẩn, định mức được phê duyệt	4 điểm
	- Đủ theo danh mục trang thiết bị chuyên dùng đáp ứng nhu cầu chuyên môn: 3 điểm	
	- Phù hợp tiêu chuẩn định mức theo quy định: 1 điểm	
8	Có kế hoạch và thực hiện hàng năm về công tác bảo dưỡng, kiểm tra, hiệu chuẩn, kiểm định trang thiết bị chuyên dùng trong toàn đơn vị	1 điểm
9	Có hệ thống phòng cháy chữa cháy đáp ứng tiêu chuẩn quy định	1 điểm

PHỤ LỤC 5
TIÊU CHUẨN VÀ BẢNG ĐIỂM XẾP HẠNG
CƠ SỞ KHÁM BỆNH, CHỮA BỆNH HẠNG ĐẶC BIỆT

I. Nguyên tắc chung

1. Cơ sở khám bệnh, chữa bệnh được xếp hạng I đạt 100 điểm và đạt các tiêu chuẩn dưới đây được xếp Hạng Đặc biệt.
2. Không cho điểm khi đánh giá các tiêu chuẩn ở phần này. Mỗi tiêu chuẩn được đánh giá là “đạt” nếu đáp ứng đầy đủ các yêu cầu nêu trong mỗi tiêu chuẩn cụ thể.

II. Các tiêu chuẩn cụ thể

TT	TIÊU CHUẨN	ĐÁNH GIÁ
1	Vai trò và chức năng, nhiệm vụ	
1.1	Là tuyến cuối cùng trong bậc thang điều trị; tiếp nhận và điều trị cho người bệnh (ít nhất 5 chuyên khoa sâu đối với bệnh viện đa khoa) trong phạm vi nhiều vùng hoặc toàn quốc	Đạt
1.2	Là cơ sở thực hành, đào tạo cán bộ sau đại học; cán bộ của bệnh viện trực tiếp tham gia đào tạo sau đại học và đào tạo cán bộ chuyên khoa sâu có trình độ sau đại học cho khu vực hoặc toàn quốc	Đạt
2	Quy mô và tổ chức khoa, phòng	
2.1	Tổ chức khoa, phòng trong bệnh viện theo chuyên khoa và chuyên khoa sâu đáp ứng chức năng, nhiệm vụ được giao. Các khoa lâm sàng tổ chức theo chuyên khoa và chuyên khoa sâu. Có các labo theo chuyên khoa sâu trong khu vực cận lâm sàng	Đạt
2.2	Thực hiện chăm sóc cấp I, II cho 100% người bệnh thuộc đối tượng chăm sóc cấp I và cấp II	Đạt
3	Trình độ cán bộ chuyên môn và quản lý	
3.1	100% Trưởng các khoa lâm sàng, cận lâm sàng có trình độ Tiến sĩ hoặc Chuyên khoa II	Đạt
3.2	70% bác sĩ điều trị ở các khoa lâm sàng có trình độ sau đại học	Đạt
4	Khả năng chuyên môn kỹ thuật	
4.1	Có các chuyên gia đầu ngành tham gia Ban soạn thảo, Tổ biên tập xây dựng các văn bản quy phạm pháp luật về chuyên môn y tế cấp Bộ	Đạt
4.2	Có các chuyên gia đầu ngành tham gia các Hội đồng	Đạt

TT	TIÊU CHUẨN	ĐÁNH GIÁ
	chuyên môn y tế cấp Bộ xây dựng hướng dẫn chẩn đoán, điều trị; quy trình chuyên môn kỹ thuật; Hội đồng chuyên môn xem xét các tai biến y khoa; Hội đồng chuyên môn thẩm định danh mục kỹ thuật	
4.3	Bảo đảm nhân lực, cơ sở vật chất, trang thiết bị và thực hiện được các kỹ thuật hiện đại, chuyên sâu các chuyên khoa xét nghiệm huyết học, sinh hóa, vi sinh vật, miễn dịch, sinh học phân tử, phóng xạ, giải phẫu bệnh,... <i>(các xét nghiệm chẩn đoán ung thư, xác định kháng nguyên, kháng thể, định danh vi khuẩn, virus, cấu trúc nhiễm sắc thể, cấu trúc gen, xét nghiệm sinh học phân tử, đông máu, ...)</i> Xem xét các kỹ thuật thực hiện được phù hợp với chức năng, nhiệm vụ và tính chất chuyên khoa của bệnh viện.	Đạt
4.5	Bảo đảm nhân lực, cơ sở vật chất, trang thiết bị và thực hiện được các thăm dò chức năng, chẩn đoán hình ảnh hiện đại, phức tạp chuyên sâu (CT scan, MRI, chụp mạch máu DSA, C-arm, PET CT,...). Xem xét danh mục trang thiết bị và các kỹ thuật thực hiện được phù hợp với chức năng, nhiệm vụ và tính chất chuyên khoa của bệnh viện.	Đạt
4.6	Bảo đảm nhân lực, cơ sở vật chất, trang thiết bị và thực hiện được các kỹ thuật y học hiện đại, phức tạp, chuyên khoa sâu như: ghép mô, tạng, bộ phận cơ thể người, sử dụng robot trong phẫu thuật, vi phẫu thuật, chẩn đoán trước sinh, IVF, mổ tim hở, can thiệp mạch, thông tim, thăm dò phóng xạ, xạ trị, các phẫu thuật sọ não, thần kinh, mạch máu, phẫu thuật tạo hình sử dụng vật liệu nhân tạo thay thế,...	Đạt